

CÔNG TY CP THÍ NGHIỆM 912

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/CB-LASXD912

Hải Phòng, ngày 5 tháng 9 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐẾN Số:.....
Ngày: 25/9/2026

Chuyên:.....CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
Số và ký hiệu HS:HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

CÔNG BỐ



Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty Cổ phần Thí nghiệm 912 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thí nghiệm 912
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0201207205 lần 1 ngày 17/10/2011 và thay đổi lần thứ 4 ngày 14/10/2022.
- Giấy chứng nhận số 379/GCN-BXD ngày 29/12/2022 được Bộ xây dựng cấp về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng .
- Địa chỉ: Tổ dân phố Chu Vườn, Phường Lưu Kiếm, TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225.3 642 355
- Mã số thuế: 0201207205
- Địa chỉ hòm thư điện tử: lasxd912@gmail.com
- Website: LASXD912.com
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình (LAS - XD 912)
- Địa chỉ đặt PTN: Tổ dân phố Chu Vườn, Phường Lưu Kiếm, TP Hải Phòng.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực

hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Theo Phụ lục đính kèm;

- Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm: Theo Phụ lục đính kèm;

- Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố: Theo Phụ lục đính kèm

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 912)

Công ty Cổ phần Thí nghiệm 912 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, T02.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM 912



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Anh

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐÃ CÔNG BỐ

(Kèm theo công bố số 06/CB-LASXD912 ngày 05/09/2026 của Công ty Cổ phần **Thí nghiệm 912**)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
Thử nghiệm cơ lý xi măng, clanhke xi măng				
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C184, C188; AASHTO T128, T133	Sàng (kích thước mắt 0,09;0.08;0.045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
2.	Xác định giới hạn uôn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009); ASTM C190, C109, BSEN-196:05; AASHTO T123, T106	Sàng , máy trộn, khuôn (4x4x16cm), 50x50x50mm máy dằn (điển hình), máy kéo nén đa năng 100kN, tủ dưỡng nhiệt	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C185; AASHTO T131, T129, T137	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đong, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý cốt liệu cho bê tông và vữa				
4.	Thành phần hạt cho cốt liệu bê tông và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136/C136M:14; AASHTO T27, AASHTO T11	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, Máy lắc sàng .	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
5.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006, AASHTOT225, AASHTO T85, ASTM C127, C566	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, bình hút ẩm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã nã, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
6.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C70, C127, C29; AASHTO T85	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước kẹp, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
7.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29M; AASHTO T19-99	Thùng đong, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thước lá	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



			kim loại.	
8.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, hộp đựng mẫu.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
9.	Hàm lượng các tạp chất cho bê tông và vữa	TCVN 7572-8: 2006; ASTM C142; AASHTO T112	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
10.	Tạp chất hữu cơ cho bê tông và vữa	TCVN 7572-9: 2006, ASTM C40	Bản màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
11.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006, ASTM D2938	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, Thước kẹp, thùng ngâm mẫu,	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
12.	Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006;	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, xi lanh bằng thép $\phi k 75mm$, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1,25mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng ngâm mẫu.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
13.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM D4791; AASHTO T112; T96	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, máy quay mài mòn Los Angeles.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
14.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006, ASTM C117	Cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
15.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá	TCVN 7572-17:2006, ASTM C142; AASHTO T122	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.001g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
16.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.001g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
17.	Hàm lượng hạt cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205: 2012	Cân kỹ thuật (0,01g), bộ sàng tiêu chuẩn và tầm đục lỗ 90, 100, 110, 120mm, tủ sấy, cân thủy tĩnh, bình khối	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



			lượng riêng, phễu xác định độ xốp, thùng đong, cân, tủ sấy, khay sấy, thùng rửa cát, đá	
18.	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-08; AASHTO T176	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, que thủy tinh, Tủ sấy đến 300°C/1°C Ống đong 1000ml, bộ sàng tiêu chuẩn, thuốc thử,...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp BT và BT nặng				
19.	Xác định độ sụt của hỗn hợp BT	TCVN 3106:2022; ASTM C143/ C143M-15, BS EN 12350:09; AASHTO T199; ASTM C138;	Côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
20.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp BT nặng, bê tông nặng	TCVN 3115:2022; TCVN 3108:2022; AASHTO T121-11,	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g), dao thép gạt mẫu, búa cao su	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
21.	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp BT	TCVN 3109:2022; ASTM C232, EN 12350-6:09	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân kỹ thuật 30kg (1g), sàng 5mm, thước lá kim loại, gao gạt mẫu, ống đong 500ml, pipet 5ml, tủ sấy 300°C (±1 °C)	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
22.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642; EN 12390-7:09	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300°C (±1 °C), sàng 5mm ; 1.25, 0.125mm, nước cất, bình hút ẩm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
23.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; EN 12390-7:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), tủ sấy 300°C (±1 °C), khăn lau, bàn chải, đá mài.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
24.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118 :2022; AASHTO T22-10, BS EN 12390-4:2000; ASTM C39	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại,	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
25.	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1964-05; AASHTO T309-11; JIS A 1156-06	Nhiệt kế	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng				



26.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022, EN 1015-1:99, TCVN 9028:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm và sàng 0,08mm	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
27.	Xác định độ lưu động của vữa tươi, độ chảy lỏng	TCVN 3121-3:2022; ASTM C939-10, EN 1015-3,4:99, TCVN 9028:2011; ASTM C1437	Bàn dẫn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, phễu, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn đường kính đáy lớn 100mm, đáy nhỏ 75mm, cao 60mm, dày 2mm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
28.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022, EN 1015-6:99	Bình trụ bằng sắt, chày đầm, cân kỹ thuật, dao ăn, bay, chảo sắt...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
29.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022, TCVN 9028:2011	Thiết bị thử độ lưu động, máy hút chân không; phễu giấy lọc, đồng hồ bấm giây...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
30.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022, TCVN 9028:2011; ASTM C807-08, ASTM C 191,	Khâu đưng vữa hình côn đường kính 50,75mm, kim xuyên đk 5mm, cd 65mm, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây.....	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
31.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022, EN 1015-12:00, TCVN 9028:2011; ASTM C109, C348;	Máy thử độ bền nén 300kN (d= 0,01kN), cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, gá thử nén, gối thử độ bền uốn.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
32.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022, ASTM C 1403-06, TCVN 9028:2011	Cân điện tử, đồng hồ bấm giây, khay, đệm, vật liệu bọc phủ, ...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý gạch xây đất sét nung				
33.	Gạch xây đất sét nung : kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây, cường độ nén, uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng	TCVN 6355:2009; ASTM C67-25; AASHTO T32-10	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông nhẹ				
34.	Bê tông nhẹ: kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh, độ hút nước, cường độ nén	TCVN 9030:2017, TCVN 3113:2022	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông				
35.	Gạch bê tông: kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông, độ rỗng, cường độ chịu nén, độ thấm nước, độ	TCVN 6477:2016; TCVN 6355:2009 ASTM C140-23 ASTM C426-23	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



	hút nước		thuật, thùng ngâm mẫu...	
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn			
36.	Gạch bê tông tự chèn: kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan, cường độ chịu nén, độ hút nước,	TCVN 6476:1999; TCVN 6355-4:2009	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
	Thử nghiệm cơ lý gạch lát xi măng, granito			
37.	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ nén; xác định độ hút nước; tải trọng uốn gãy,	TCVN 6065: 1995	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
38.	Gạch lát Granito: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định tải trọng uốn gãy,	TCVN 6065: 1995 TCVN 6074:1995	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
	Gạch terrazzo			
39.	Gạch Terrazzo: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Độ hút nước bề mặt, cường độ uốn,	TCVN 7744:2013	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn model: WEW 1000kN/0.01kN, thước kẹp, tủ sấy đến 300°C/1°C, thước lá, bay, chảo trộn, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
	Vải địa kỹ thuật, bắc thấm và vỏ bọc bắc thấm, màng chống thấm			
40.	Xác định khối lượng đơn vị	ASTM D5261:10; TCVN 8221:2009	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, thước lá kim loại 1000mm/1mm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
41.	Độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199:12	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ so	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
42.	Độ bền chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và bắc thấm	ASTM D 4632:08; TCVN 8871-1:11	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
43.	Xác định lực xé rách hình thang	ASTM D 4533:15; TCVN 8871-2:11	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
44.	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp côn rơi	BS 6906 part 6-97; TCVN 8484:2010	Bộ thiết bị rơi côn + giá đỡ, thang đo	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
45.	Khả năng chống xuyên (CBR)	ASTM D6241-09(2014); TCVN 8871-3:2011	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN và đầu xuyên	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



46.	Xác định lực kháng xuyên thùng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D 4833	Máy thử kéo nén model WDW 100kN/0.001kN và đầu xuyên	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
47.	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5:2011	Thiết bị tạo áp lực nén, ngâm kẹp, dụng cụ đo kích thước mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
48.	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751:16	Máy lắc sàng, hạt thủy tinh	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
49.	Xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	TCVN 8485:2010; ASTM D4595:09	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
50.	Xác định hệ số thấm đơn vị	TCVN 8487:2010; ASTM D4491:91	Thiết bị thử nghiệm thấm, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, nhiệt kế	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
51.	Xác định cường độ chỉ khâu	ASTM D2256; ASTM D204	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
52.	Khả năng thoát nước dưới áp lực	ASTM D4716:08	Áp kế (thiết bị thử thấm)	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
53.	Độ bền tia cực tím	TCVN 8482:2010	Máy chiếu tia cực tím	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
54.	Xác định cường độ chịu kéo mỗi nối vải địa	TCVN 9138:2012	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm nhựa bi tum				
55.	Xác định độ kim lún, Chỉ số độ kim lún PI	TCVN 7495:2005; ASTM D5:97	Thiết bị đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
56.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113:99	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
57.	Xác định nhiệt độ hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36:00	Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất, Glyxerin, Etylen glycol chất bôi trơn...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



58.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005, ASTM D92:02b	Thiết bị cốc hồ Cleveland, dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
59.	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005, ASTM D6:00 ASTM D 1754	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
60.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005, ASTM D 2042 - 01	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
61.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế, viên đá 20x40mm...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm bê tông nhựa				
62.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60oC, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
63.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011, AASHTO T164-11; ASTM D 2172-11	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
64.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
65.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
66.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
67.	Xác định độ chặt lu chèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
68.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



69.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
70.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
71.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marsall, đồng hồ đo độ biến dạng, bể ố nhiệt, nhiệt kế...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
72.	Thành phần hạt, hệ số thích nước, độ ẩm, khối lượng riêng bột khoáng	TCVN 12884:2020; TCVN 4197:2012; TCVN 8735:2012; TCVN 7572:2006 AASHTO T37 – 07(2020) AASHTO T100-25 AASHTO T11-24	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3; 0.15; 0.075mm), cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm, Dụng cụ Casagrande, tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Bình khối lượng riêng, bình hút ẩm,	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
	Kiểm tra kim loại, hàn, cáp			
73.	Thử kéo	TCVN 197:2014; (ISO 6892:1998); TCVN 7937-2:2013 ; ASTM A370-17, ASTM E8-16, A82; JIS Z2241, 3112; BS EN 10002-1:2001; AASHTO T68	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW-1000kN/0.1kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
74.	Thử uốn	TCVN 198:2008; (ISO 7438:2005); ASTM A370-17; JIS Z2248:1996, AASHTO T244; TCVN 7937-2:2013	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW 1000kN/0.1kN; bộ gối uốn	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
75.	Thử uốn lại	TCVN 7937-2:2013, TCVN 6287:1997, ISO 15630:2002	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW 1000kN/0.1kN; bộ gối uốn	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
76.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 5403:1991; JIS 3121; ASTM E8	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW-1000kN/0.1kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
77.	Thử kéo bu lông, vít cấy, đai ốc	TCVN 1916:95; ISO 898-1:2009; ASTM F 606M-14, ASTM E488 /E448M-15; ASTM E 1512-01:2015; ASTM A370:17	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW-1000kN/0.1kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



78.	Vật liệu kim loại thử nén ống	TCVN 1830:2008, ASTM A 500-10, ASTM 501:07; ASTM A53:12; BS 1387:1985; JIS G3459, JIS G3452	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW-1000kN/0.1kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
79.	Đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp khối lượng	TCVN 4392:1986; TCVN 5408:2007; ASTM A 90-13; TCVN 7665:2007; (ISO 1460:1992); ASTM E 376-11	Cân điện tử, thước kẹp, nước cất...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng TN				
80.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012, AASHTO T100-10; ASTM D854-10	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, tỷ trọng kế, bếp cách cát.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
81.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; ASTM D4959; AASHTO T265	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
82.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012, AASHTO T89-10, AASHTO T90-08, BS 1377:90 ; ASTM D4318-10	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
83.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014, AASHTO T88-10, ASTM D1140-14. ASTM D422-07; AASHTO T27; BS 1377:90	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
84.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khô của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 4201: 2012; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
85.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm (California Bearing Ration)	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-22	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy,	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy



			cân, sàng 50; 19; 4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	
86.	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	ASTM D2579-78	Bộ cắt cánh, thiết bị tạo mômen xoắn, đồng hồ đo, thước cặp cơ khí, khay đựng, đồng hồ bấm giây ...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
87.	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; AASHTO T267	Cân kỹ phân tích có độ chính xác $d=0.0001g$, Cân kỹ thuật có độ chính xác ($0.01g$), tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, lò nung $1000^{\circ}C/1^{\circ}C$, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử Dung dịch Hydroperoxit (H_2O_2) nồng độ 10 % đến 15 %.	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
88.	Xác định tổng lượng muối hòa tan trong đất	TCVN 8727:2012 TCVN 9436:2012 (phụ lục D)	Cân kỹ phân tích có độ chính xác ($d=0.0001g$), Cân kỹ thuật $1200g/0.01g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, lò nung $1000^{\circ}C/1^{\circ}C$, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử Dung dịch Hydroperoxit (H_2O_2) nồng độ 10 % đến 15 %. Bút kiểm tra độ mặn, nước cất	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
Thử nghiệm hiện trường				
89.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác ($0,1g$), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
90.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14 (2022) ; 22TCN 346:06	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, $30kg/1g$, bếp ga hoặc dùng cồn	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
91.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
92.	Xác định modul đàn hồi của nền đất và kết cấu áo đường mềm bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1556	Tấm ép, kích thủy lực $0\div320kN$, đồng hồ so 30mm	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
93.	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén TYA -2000kN ($d=0,1kN$),...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
94.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nệm đo khe hở, cọ quét	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
95.	Kiểm tra độ nhám mặt	TCVN 8866:2011	Bộ dụng cụ đo nhám mặt	Hoàng Văn Đông



	đường bằng phương pháp rắc cát		đường, cọ quét, cát chuẩn	Đông Nguyễn Thị Thùy
96.	Xác định modul đàn hồi E chung của kết cấu bằng cần đo vòng Bekelman	TCVN 8867:2011	Xe chất tải, cần đo vòng Bekelman, đồng hồ so...	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
97.	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011 TCVN 8860:2011 TCVN 13567-1-2-3:2022 TCVN 13567-4-5:2024	Máy nén Marsall, cân kỹ thuật, lò nung, tủ sấy, bộ kim lún, hoá mềm, sàng	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
98.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy bê tông	TCVN 9334:2012	Thiết bị súng bật nảy bê tông	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy
99.	Thử nghiệm công hợp, công tròn: kiểm tra ngoại quan, khuyết tật nhãn mác; kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước; xác định khả năng chống thấm;	TCVN 9116:2012 TCVN 9113:2012	Thước thép 500mm, 1000mm (1mm), thước lá,	Hoàng Văn Đông Nguyễn Thị Thùy